TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2023
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Ông Hồ Xuân Dũng

- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 982/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Hồng Thị Thanh T, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định

* *Bị đơn:* Anh Bùi Hồng V, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Hồng Thị Thanh T trình bày*: Chị và anh Bùi Hồng V có thời gian tìm hiểu khoảng 1 năm và được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới, anh V vào TPHCM làm việc còn chị làm việc tại tỉnh Bình Dương, khoảng 3 tháng sau chị có thai nên anh V chuyển đến sống với chị tại

tỉnh Bình Dương thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh V thường xuyên nhậu nhẹt, chị đang có thai nhưng anh V không quan tâm, mỗi khi anh V về thì vợ chồng cãi nhau là anh V đập phá đồ đạc trong nhà. Đến ngày 10/11/2020 chị phát hiện anh V rút số tiền tiết kiệm 20.000.000đ chi tiêu mà không nói cho chị biết. Sau đó chị về quê sinh con còn anh V vẫn ở TPHCM làm việc, khi anh V về quê cũng lo đi chơi nhậu nhẹt chứ không quan tâm đến vợ con, đến tháng 5 năm 2022 chị đưa con vào TPHCM chung sống với anh V, con thường xuyên bị bệnh phải nhập viện điều trị tại bệnh viện nhi đồng 1 nhưng chỉ có 01 mình chị lo nên mẹ của chị phải từ ngoài quê vào chăm sóc còn anh V chỉ lo chơi bời nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con. Đến tháng 9 năm 2022 chị dẫn con về nhà mẹ ruột ở Phù Cát sống cho đến nay, trong khoảng thời gian này, anh V về quê có đến thăm con nhưng bản thân anh V không thay đổi, vẫn chơi bời nhậu nhẹt không quan tâm đến vợ con. Sau đó chị mời cha mẹ ruột đến nhà cha mẹ chồng thưa nói với cha mẹ hai bên về việc chị không sống với anh V nữa, lúc đó cha mẹ hai bên có hòa giải và anh V có xin thời gian 3 tháng để thay đổi nhưng anh V không thay đổi. Chị xác định chị và anh V không còn tình cảm với nhau và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Bùi Hồng V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Bùi Hồng Nhã U sinh ngày 17/6/2020 hiện chị đang nuôi dưỡng, ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

* *Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn anh Bùi Hồng V trình bày*: Anh và Hồng Thị Thanh T có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm thì được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới, vợ chồng sống với cha mẹ anh tại xã N, đến năm 2022 thì vợ chồng thuê nhà tại TP. Hồ Chí Minh sống và làm việc. Vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn. Đến giữa năm 2022 thì con bị bệnh nên chị T dẫn con về nhà mẹ ruột ở huyện P, Bình Định chăm sóc. Thời gian chị T dẫn con về quê, anh có về thuyết phục chị T quay lại TP. Hồ Chí Minh chung sống với anh nhưng chị T không đồng ý nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Anh xác định vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn, anh mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Bùi Hồng Nhã U sinh ngày 17.6.2020, hiện đang sống với chị T. Ly hôn anh thống nhất giao cháu U cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồng Thị Thanh T đối với anh Bùi Hồng V.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Hồng Nhã U sinh ngày 17.6.2020 cho chị Hồng Thị Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị Hồng Thị Thanh T không yêu cầu anh Bùi Hồng V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét

4. Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Hồng V được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Hồng V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hồng Thị Thanh T và anh Bùi Hồng V tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2019, được UBND xã Nhơn Mỹ cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh V phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị T tình bày nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh V chỉ lo chơi bời nhậu nhẹt, chứ không quan tâm đến vợ con, chị đã cho anh V thời gian để thay đổi nhưng anh V vẫn không khắc phục nên chị dẫn con về nhà mẹ ruột sinh sống, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị T tỏ rõ thái độ kiên quyết yêu cầu chấm dứt hôn nhân với với anh Bùi Hồng V. Ngược lại anh V xác định còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn và mong Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy chị T và anh V trong thời gian sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 nhưng cả hai không có biện pháp giải quyết, bản thân anh V mong muốn Tòa án hòa giải và anh chủ động lựa chọn thời gian để Tòa án tiến hành phiên hòa giải nhưng lại vắng mặt chứng tỏ anh V không tha thiết và không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị Hồng Thị Thanh T được ly hôn với anh Bùi Hồng V.

[2.2] Về con chung: Chị T, anh V xác định vợ chồng có 01 người con tên Bùi Hồng Nhã U sinh ngày 17.6.2020 hiện chị T đang nuôi dưỡng, ly hôn chị T anh V

cùng thống nhất giao cháu Bùi Hồng Nhã U cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét đến ngày xét xử cháu Bùi Hồng Nhã U vừa tròn 03 tuổi và hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên việc thỏa thuận giữa chị T anh V về việc cháu U cho chị T nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử công nhận giao cháu Bùi Hồng Nhã U cho chị Hồng Thị Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hồng Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Chị Hồng Thị Thanh T và anh Bùi Hồng V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Hồng Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấpnhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồng Thị Thanh T với anh Bùi Hồng V.

2/ Trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:

2.1/ Giao người con Bùi Hồng Nhã U sinh ngày 17.6.2020 cho chị Hồng Thị Thanh T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi người con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con.

2.2/ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hồng Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Tài sản chung và nợ chung: Chị Hồng Thị Thanh T và anh Bùi Hồng V không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Hồng Thị Thanh T phải chịu 300.0000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.0000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005683 ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND xã N
(GCNKH số 09 ngày 21/01/2020)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Lệ